

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương
năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng
nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 11**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của
Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân
sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn
mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;*

*Căn cứ Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân
bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân
sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc
gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;*

*Xét Tờ trình số 193/TTr-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách
trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông
thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân
sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, với tổng số tiền là 108.720 triệu đồng (*Một trăm lẻ tám tỷ, bảy trăm hai mươi triệu đồng*), cụ thể như sau:

- Huyện Cù Lao Dung: 27.865 triệu đồng.
- Huyện Trần Đề: 5.455 triệu đồng.
- Huyện Châu Thành: 25.619 triệu đồng.
- Huyện Kế Sách: 9.547 triệu đồng.
- Huyện Mỹ Tú: 6.819 triệu đồng.
- Thị xã Ngã Năm: 3.410 triệu đồng.
- Thị xã Vĩnh Châu: 4.092 triệu đồng.
- Huyện Mỹ Xuyên: 6.819 triệu đồng.
- Huyện Thạnh Trị: 8.183 triệu đồng.
- Huyện Long Phú: 10.911 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng Khóa X, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu;
- Văn phòng Quốc hội (Bộ phận phía Nam);
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- TT. TU, TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Sóc Trăng;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Hồ Thị Cẩm Đào



Phụ lục

Kèm theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật			Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2022		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2023		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	
	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã									203.018	137.647	154.970	108.720	
I	Huyện Cù Lao Dung									50.714	29.378	49.220	27.865	
1	Công trình xây dựng hệ thống đèn giao thông nông thôn cho các xã	Huyện Cù Lao Dung	462 trụ đèn (đèn led 200W năng lượng mặt trời 462 bóng, cần đèn thép ống mạ kẽm D60 cao 5m, độ vươn 1m gắn lên trụ sắt lắp mới 462 cần; 462 móng bê tông cốt thép kích thước 0,6 x 0,6m)	2023 - 2024	2715/QĐ-UBND ngày 18/10/2022	7.314	3.604			7.314	3.604	7.314	3.604	Vốn hỗ trợ thực hiện huyện đạt chuẩn nông thôn mới
2	Hạ tầng kỹ thuật công viên huyện Cù Lao Dung	Thị trấn Cù Lao Dung	Chân đế trụ kích thước 8x6m, cao 4m; đường đan xung quanh tượng đài diện tích 1.356m ² ; diện tích lát gạch vỉa hè 1.643m ² ; trồng cây xanh, trồng cỏ; san lấp mặt bằng 5.469m ² ; 16 trụ đèn,...	2023 - 2024	2728/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	8.000	4.000			8.000	4.000	8.000	4.000	Vốn hỗ trợ thực hiện huyện đạt chuẩn nông thôn mới
3	Công trình xử lý nước thải tập trung An Thạnh 3	Xã An Thạnh 3	Xây dựng hệ thống xử lý nước công suất 200 m ³ /ngày đêm; hồ thu gom nước thải; bơm nước thải vào bể lắng; bể lắng; bể ky	2023 - 2024	2721/QĐ-UBND ngày 19/10/2022	1.967	983			1.967	983	1.967	983	Vốn hỗ trợ thực hiện huyện đạt chuẩn nông thôn mới

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật			Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2022		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2023		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	
			khí vách ngăn; bãi lọc trồng cây,...											
4	Công trình xử lý nước thải các Trạm Y tế	Các xã, thị trấn	Xây dựng hồ thu gom nước thải; bơm nước thải vào bể lắng; bể lọc; bể kỵ khí vách ngăn; bãi lọc trồng cây,...	2023 - 2024	2722/QĐ-UBND ngày 19/10/2022	3.701	1.850			3.701	1.850	3.701	1.850	Vốn hỗ trợ thực hiện huyện đạt chuẩn nông thôn mới
5	Công trình xử lý, khắc phục ô nhiễm bãi rác xã An Thạnh 1	Xã An Thạnh 1	Xây dựng hàng rào, cổng; nhà quản lý, nhà vệ sinh, sân đường, nhà phân loại rác	2023 - 2024	2719/QĐ-UBND ngày 19/10/2022	1.983	991			1.983	991	1.983	991	Vốn hỗ trợ thực hiện huyện đạt chuẩn nông thôn mới
6	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên	Xã An Thạnh 2	Khối số 1: 83,16 m ² ; dãy phòng tập thể 276 m ² ; cổng - hàng rào; san lấp mặt bằng, sân đan, thoát nước	2023 - 2024	2727/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	4.076	2.000			4.076	2.000	4.076	2.000	Vốn hỗ trợ thực hiện huyện đạt chuẩn nông thôn mới
7	Nâng cấp, mở rộng Đường 1/5	Thị trấn Cù Lao Dung	Dài 2.902,2m; rộng 04m	2023 - 2024	2725/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	8.293	4.100			8.293	4.100	8.293	4.100	Vốn hỗ trợ thực hiện huyện đạt chuẩn nông thôn mới
8	Nâng cấp, mở rộng đường Xóm 5	Thị trấn Cù Lao Dung	Dài 605,5m; rộng 04m và hệ thống thoát nước 2 bên dài 928,6m	2023 - 2024	2765/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	3.310	1.600			3.311	1.600	3.310	1.600	Vốn hỗ trợ thực hiện huyện đạt chuẩn nông thôn mới
9	Nâng cấp đường GTNT Ông Cột (giai đoạn 2)	Xã An Thạnh 1	Dài 710m; rộng 3,5m	2023 - 2025	2763/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	2.200	1.913			2.200	1.913	1.822	1.535	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật			Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2022		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2023		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	
10	Đường GTNT Rạch Đáy (giai đoạn 1)	Xã An Thạnh 2	Dài 763m; rộng 3,5m	2023 - 2025	2745/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	2.207	1.912			2.207	1.912	1.829	1.534	
11	Đường trục chính nội đồng Rạch Ông Cột - Rạch Già Lớn (giai đoạn 3)	Xã An Thạnh Tây	Dài 941m; rộng 3,5m	2023 - 2025	2776/QĐ-UBND ngày 25/10/2022	2.237	1.912			2.237	1.912	1.859	1.534	
12	Đường KDC số 2	Xã An Thạnh Đông	Dài 660m; rộng 3,5m	2023 - 2025	2764/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	2.210	1.913			2.210	1.913	1.831	1.534	
13	Đường nhựa vào khu sản xuất, chế biến	Xã An Thạnh 3	Dài 83m; rộng 7m và cầu dài 18m; rộng 7m	2023 - 2025	2729/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	3.235	2.600			3.215	2.600	3.235	2.600	Vốn hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã
II	Huyện Trần Đề									8.777	8.340	5.775	5.455	
1	Nâng cấp đường bê tông khu 2 nối liền khu 7 - 8 ấp Chác Tung	Xã Tài Văn	Dài 1.304,3m; rộng 3m và cầu 12m x 3m	2022 - 2024	2600/QĐ-UBND ngày 08/7/2022	2.357	2.240	1.536	1.419	2.357	2.240	821	821	Công trình chuyển tiếp
2	Đường bê tông kênh ông Phục giai đoạn 3 (công 3)	Xã Trung Bình	Dài 870,94m; rộng 3m và cầu 27m x 3m	2023 - 2024	3756/QĐ-UBND ngày 25/10/2022	3.307	3.137			3.477	3.307	3.307	3.137	
3	Đường từ ngã tư ấp Phố Dưới đến ngã tư chùa Hội Phước ấp Nam Chánh (đường Lò Rèn)	Xã Lịch Hội Thượng	Dài 1.641m; rộng 3m	2023 - 2024	3757/QĐ-UBND ngày 25/10/2022	1.143	1.083			1.143	1.083	760	700	
4	Cầu bê tông qua kênh Rọc Lá	Xã Lịch Hội Thượng	Dài 27m; rộng 3,5m	2023 - 2024	3965/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	1.800	1.710			1.800	1.710	887	797	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật			Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2022		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2023		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	
III	Huyện Châu Thành									47.716	27.114	34.467	25.619	
1	Cải tạo, mở rộng Đường Huyện 92 (giai đoạn 1)	Xã Hồ Đắc Kịch	Cải tạo, mở rộng chiều dài đường 3.730m; nâng cấp, mở rộng 05 cầu và hệ thống an toàn giao thông trên tuyến	2023 - 2025	468/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	38.256	19.128			38.256	19.128	26.128	19.128	Vốn hỗ trợ thực hiện huyện đạt chuẩn nông thôn mới
2	Đường sau chùa Peng Som Rath	Xã An Hiệp	Dài 760m, rộng 3,5m và rãnh thoát nước 131m x 0,3m	2023	453/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	3.126	2.793			2.933	2.793	3.126	2.793	
3	Đường bờ Tây kênh Ba Rinh cũ (giai đoạn 4)	Xã Hồ Đắc Kịch	Đoạn 1 dài 714,49m, rộng 3m; đoạn 2 dài 334m, rộng 3,5m; đoạn 3 dài 147m, rộng 3,5m	2023	455/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	3.115	2.793			2.933	2.793	1.620	1.298	
4	Trạm bơm Hợp tác xã Nông nghiệp Quyết Thắng	Xã Hồ Đắc Kịch	Trạm bơm điện; cống hở; đường phục vụ trạm bơm; nạo vét kênh và gia cố bờ bao	2023	454/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	3.593	2.400			3.594	2.400	3.593	2.400	Vốn hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã
IV	Huyện Kế Sách									17.068	14.836	11.537	9.547	
1	Đường GTNT xã Đại Hải: Đường cấp kênh Tập đoàn 8 (bờ bắc) và đường cấp kênh 6 Bé (bờ tây) đoạn từ ông Trần Văn Đa - ông Huỳnh Công Khanh - nối tiếp	Xã Đại Hải	850m x 2m	2023 - 2024	434/QĐ-UB(XDCB).2 ngày 28/10/2022	1.382	1.120			1.382	1.120	1.108	846	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật			Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2022		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2023		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	
2	Đường GTNT xã Ba Trinh: Đường cấp kênh 8 Tiên (bờ tây)	Xã Ba Trinh	1.044m x 2m	2023 - 2025	437/QĐ-UB(XDCB).2 2 ngày 28/10/2022	1.167	970			2.304	1.913	1.067	870	
3	Đường GTNT xã An Lạc Tây: Đường T10 (đoạn Cầu Đình Đại An đến ranh đất ông Trần Văn Đầu)	Xã An Lạc Tây	519m x 3m	2023 - 2024	428/QĐ-UB(XDCB).2 2 ngày 28/10/2022	934	800			934	800	847	713	
4	Đường GTNT xã Kế An: Tuyến kênh Mười (bờ Tây) từ cầu 7 Tỷ - Út Giáo	Xã Kế An	660m x 2m	2023 - 2025	438/QĐ-UB(XDCB).2 2 ngày 28/10/2022	686	592			686	592	686	592	
5	Đường GTNT xã Trinh Phú: Tuyến Cầu Tư Xiếu - Hai Việt (mở rộng)	Xã Trinh Phú	Đoạn 1: 778m x 3m (hiện trạng 1,5m, mở rộng 1,5m); Đoạn 2: 1.243,58m x 3m (hiện trạng 1,5m, mở rộng 1,5m)	2023 - 2024	441/QĐ-UB(XDCB).2 2 ngày 28/10/2022	4.150	3.410			4.373	3.803	4.150	3.410	
6	Đường GTNT xã Phong Năm: Tuyến từ ông Thuận - 3 Hòn	Xã Phong Năm	681m x 3m	2023 - 2024	424/QĐ-UB(XDCB).2 2 ngày 28/10/2022	1.151	963			1.849	1.608	1.151	963	
7	Xây mới cầu 5 Đê	Xã Phong Năm	38,25m x 3,3m và đường dẫn	2023 - 2024	425/QĐ-UB(XDCB).2 2 ngày 28/10/2022	1.310	1.084			2.770	2.500	1.310	1.084	
8	Xây mới cầu Hàng Xoài	Xã Phong Năm	Cầu 1: 40m x 2m; Cầu 2: 12m x 2m và đường dẫn 8m x 2m	2023	426/QĐ-UB(XDCB).2 2 ngày 28/10/2022	550	476			1.110	1.000	550	476	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật			Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2022		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2023		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	
9	Duy tu, sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường GTNT trên địa bàn ấp Phong Hòa, Phong Thạnh	Xã Phong Năm	300m x 1,5m	2023 - 2024	427/QĐ-UB(XDCB).2 2 ngày 28/10/2022	668	593			1.660	1.500	668	593	
V	Huyện Mỹ Tú									13.946	12.068	8.543	6.819	
1	Lộ bờ đông kênh Tân Phước	Xã Long Hưng	Dài 2.126,5m; rộng 2,5m	2023	4491/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	2.567	1.913			2.210	1.913	2.203	1.913	
2	Nâng cấp, mở rộng Lộ Xẻo Giữa (giai đoạn 4)	Xã Mỹ Hương	Dài 220m; rộng 3m	2023	4494/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	503	450			519	450	503	450	
3	Lộ Mương Khai (từ đập Mương Khai đến Nghĩa trang cũ)	Xã Mỹ Hương	Dài 396,23m; rộng 3m	2023	4490/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	861	760			880	760	861	760	
4	Lộ kênh Đường Láng (giai đoạn 2)	Xã Hưng Phú	Dài 1.240m; rộng 3m	2023	4492/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	2.175	1.913			2.211	1.913	2.175	1.913	
5	Lộ phía Nam kênh Trà Cú Cạn (giai đoạn 4)	Xã Mỹ Tú	Dài 745m; rộng 2,5m	2023	4495/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	948	849			979	849	948	849	
6	Đường kênh rạch Bỏ Thảo (giai đoạn 4)	Xã Mỹ Thuận	Dài 370m; rộng 3m	2023	4493/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	624	570			659	570	624	570	
7	Lộ Ngã Tư Phước Trường A - Tân Long	Xã Mỹ Phước	Dài 3.686m; rộng 2,5m	2023-2024	4741/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	6.194	5.613			6.488	5.613	1.229	364	
VI	Thị xã Ngã Năm									5.048	4.516	4.555	3.410	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật			Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2022		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2023		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	
1	Xây dựng lộ kênh 6 Lọc - 3 Dẫn	Xã Mỹ Quới	Xây dựng đường bê tông cốt thép dài 1.565,21m; rộng 2m	2023 - 2024	296/QĐXD-UBND ngày 26/10/2022	1.812	1.600			1.802	1.600	1.811	1.600	
2	Xây dựng lộ kênh 6 Tường	Xã Mỹ Quới	Xây dựng đường bê tông cốt thép dài 963m; rộng 2m	2023-2024	298/QĐXD-UBND ngày 26/10/2022	1.322	1.192			1.343	1.193	1.322	1.192	
3	Xây dựng lộ kênh Tư	Xã Tân Long	Xây dựng đường bê tông cốt thép dài 2.469,55m; rộng 2m	2023 - 2024	297/QĐXD-UBND ngày 26/10/2022	2.528	1.723			1.903	1.723	1.422	618	
VII	Thị xã Vĩnh Châu									16.026	9.990	5.141	4.092	
1	Nâng cấp lộ Phú Yết	Xã Vĩnh Hải	Dài 1.576,8m; rộng 3m và cầu 18m x 3m	2022 - 2023	1444/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	5.284	1.721	4.563	1.000	5.284	1.721	721	721	Công trình chuyên tiếp
2	Lộ Xẻo Xu	Xã Lai Hòa	Dài 1.350m; rộng 3m	2022 - 2023	1445/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	4.008	2.793	3.015	1.800	4.008	2.793	993	993	Công trình chuyên tiếp
3	Đường Hòa Giang đến sông Trà Niên	Xã Hòa Đông	Dài 2.116,91m; rộng: 3m	2022 - 2023	1446/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	3.702	2.792	3.393	2.483	3.702	2.792	309	309	Công trình chuyên tiếp
4	Nâng cấp Đường cấp kênh Phạm Kiều giai đoạn 2	Xã Vĩnh Hiệp	Dài 778,9m; rộng 3m	2023 - 2024	2883/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	1.310	1.180			1.360	1.180	1.310	1.180	
5	Đường dẫn Ca Lạc - Tân Thời	Xã Lạc Hòa	Dài 167,8m; rộng 3,5m và cầu 18m x 3,5m	2023 - 2024	2881/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	2.523	1.504			1.672	1.504	1.808	889	
VIII	Huyện Mỹ Xuyên									17.850	7.955	14.281	6.819	
1	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa	Xã Đại Tâm	Nhà văn hóa 8 ấp	2023 - 2024	4285/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	628	500			1.970	1.193	628	500	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật			Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2022		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2023		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	
2	Đường Bình Hòa - Thạnh Hòa (đoạn nối tiếp)	Xã Gia Hòa 2	758m x 2,5m	2023 - 2024	4283/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	1.589	1.176			2.760	1.176	1.589	1.176	
3	Đường bê tông Long Hòa - Tam Hòa	Xã Gia Hòa 1	2.403,95m x 3m và 01 cây cầu 15m x 3m	2023 - 2024	4281/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	5.002	2.400			5.520	2.400	5.002	2.400	
4	Cầu Ánh Tuyết	Xã Gia Hòa 1	18m x 3,4m	2023 - 2024	4284/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	800	393			800	393	800	393	
5	Đường bê tông Trà É	Xã Thạnh Quới	3.247,6m x 3m và 02 cây cầu	2023 - 2024	4282/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	6.705	2.793			6.800	2.793	6.262	2.350	
IX	Huyện Thạnh Trị									12.400	11.780	8.626	8.183	
1	Cầu Hai Vọng - Ba Kiệu	Xã Vĩnh Lợi	Dài 15m; rộng 3m	2023	501/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	836	779			1.137	1.080	836	779	
2	Cầu kênh Tà Ló - Khải - Giàu	Xã Vĩnh Lợi	Dài 9m; rộng 3m	2023	502/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	480	449			619	588	480	449	
3	Lộ B1 - Tân Lợi	Xã Thạnh Tân	Dài 3.390m; rộng 3m	2023 - 2024	499/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	7.704	7.319			7.704	7.319	4.370	4.162	
4	Lộ Trà Do - Kiệt Lợi	Xã Lâm Kiệt	Dài 1.633m; rộng 3m	2023	500/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	2.940	2.793			2.940	2.793	2.940	2.793	
X	Huyện Long Phú									13.474	11.670	12.825	10.911	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật			Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2022		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2023		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	
1	Đường liên 03 ấp, Trường Thành A, Trường Hưng, Trường An (đoạn từ cầu Chín Hiệp đến cầu Rạch Cọp)	Xã Trường Khánh	Đường bê tông cốt thép dài 502m; rộng 3m	2023 - 2024	441/QĐ-UBND ngày 10/10/2022	1.230	1.093			1.173	1.093	471	334	
2	Lộ trục chính nội đồng cấp kênh Ba Khỏe (đoạn từ kênh Bảy Bình đến kênh Bốn Cóc)	Xã Châu Khánh	Đường bê tông cốt thép dài 500m; rộng 3m và 01 cống ly tâm D1000	2023 - 2024	445/QĐ-UBND ngày 10/10/2022	1.259	1.057			1.220	1.057	1.259	1.057	
3	Lộ trục chính nội đồng cấp kênh Ba Khỏe (đoạn từ kênh Hai Sơn đến kênh Bốn Cóc)	Xã Châu Khánh	Đường bê tông cốt thép dài 600m; rộng 3m	2023 - 2024	446/QĐ-UBND ngày 10/10/2022	1.235	1.100			1.275	1.100	1.235	1.100	
4	Lộ trục chính nội đồng từ Nhà Văn hóa ấp Ba đến cầu Trường An (đoạn từ Nhà Văn hóa ấp Ba đến nhà ông Vũ)	Xã Châu Khánh	Đường bê tông cốt thép dài 450m; rộng 3m	2023 - 2024	447/QĐ-UBND ngày 10/10/2022	1.258	1.050			1.205	1.050	1.258	1.050	
5	Lộ trục chính nội đồng từ nhà Văn hóa ấp Ba đến cầu Trường An (đoạn từ nhà ông Trầm đến cầu Trường An)	Xã Châu Khánh	Đường bê tông cốt thép dài 496,8m; rộng 3m	2023 - 2024	448/QĐ-UBND ngày 10/10/2022	1.185	1.040			1.214	1.040	1.185	1.040	
6	Nhà Văn hóa ấp Mây Hắt	Xã Hậu Thạnh	Tổng diện tích 191,78m ²	2023 - 2024	449/QĐ-UBND ngày 10/10/2022	1.296	1.152			1.292	1.152	1.296	1.152	
7	Xây dựng Cầu kênh Tư Danh	Xã Hậu Thạnh	Cầu dài 18m; rộng 3,3m và đường dẫn bê tông cốt thép dài 190,9m; rộng 3m	2023 - 2024	450/QĐ-UBND ngày 10/10/2022	1.378	1.300			1.500	1.300	1.378	1.300	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật			Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2022		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2023		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương	
8	Đường trục chính nội đồng cấp kênh Tư Danh (đoạn cấp kênh số 4)	Xã Hậu Thạnh	Đường bê tông cốt thép dài 575,2m; rộng 3m và 01 cống	2023 - 2024	451/QĐ-UBND ngày 10/10/2022	1.370	1.280			1.458	1.280	1.370	1.280	
9	Xây dựng Cầu kênh cấp Quốc Lộ 60	Xã Hậu Thạnh	Cầu dài 15m; rộng 3m và đường dẫn bê tông cốt thép dài 334,7m; rộng 3m	2023 - 2024	452/QĐ-UBND ngày 10/10/2022	1.320	1.240			1.404	1.240	1.320	1.240	
10	Xây dựng Cầu kênh Rạch Vàm Thép	Xã Hậu Thạnh	Cầu dài 18m; rộng 3,3m và đường dẫn bê tông cốt thép dài 24,8m; rộng 3m	2023 - 2024	453/QĐ-UBND ngày 10/10/2022	834	620			712	620	834	620	
11	Đường trục chính nội đồng cấp kênh Tư Danh (đoạn từ đất ông Hải đến đất ông Sơn)	Xã Hậu Thạnh	Đường bê tông cốt thép dài 415m; rộng 3m và 01 cầu 15m x 3,3m	2023 - 2024	454/QĐ-UBND ngày 10/10/2022	1.219	738			1.021	738	1.219	738	

